

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

X0500 S2

Giày an toàn, đư ợc tế **cho ngành công** n ghiệ p thự c phẩm

Sa **giày** **X0500** là ấp , lý t ư ơn g **cho** nhiều **ngành** **công** n ghiệ p **khác**, **và** **năng** l ư ợn g ở **gót chân** và **mũi giày** bằn g **thép** để đảm bả **đan toàn** t

Những vật liệu **cao** cấp hơn	Da Nappa Action
lót bên trong	Cambrella
trong Đ	ệm **chân** SJ làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
iữa đế g	SAU ĐÓ
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S2 / SR, LG, FO, CI
Phạm **vi kích** thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t **thép**	0.525 kg
ẩn **hiêu** chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CO_2 9.62 kg



067

Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đ **chắc chắn** hoặc rơ



SRC
rước là trong những **tính năng** **quan trọng** **an toàn** và giày bảo **hộ** **SRC** **qua** cả bài **SRA** và **SRB**, **chúng** được kiểm tra trên cả bề mặt **thép** và gốm.



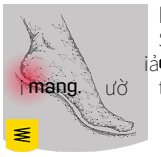
Mặt **trên** chống nước **(WRU)**
Ngăn **không** tiếp **xúc** lâu **dài**



& nhiên
u chống dầu
ê ngoài có k **năng** và nhiên liệu.



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ **năng** lượng ở **gót** **chân** **đảm** bảo l **hoặc** chạy **lên** cơ thể ng



HACCP
HACCP là một hệ thống thử nghiệm dựa **trên phân tích các** thực phẩm **có** thể dẫn đến bệnh **Các** **HACCP** **phát** **cho** **ngành công** nghiệp thực phẩm, được **làm** bằng vật liệu **có** thể g

Công nghiệp **n:**

phục vụ ăn uố n g, Hoá h oạc h , Làm sạ c ướ sả m & g thuộ c v ề y h ọ c , Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

rư ờn g môi khô, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi trư ờn g ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn g cách sử dụn g Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da Nappa Action** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm hút mồ hôi	? 0.8		2.86	iờ	mg/cm/g
	Top: hi nụ sốc h ơ	? 15		30		mg/cm2
ót bên trong	**Cambrella**					
	L ớp lót: thấm hút mồ hôi	? 2		25.39	iờ	mg/cm/g
	lót: hi nụ sốc h ơ	? 20		204		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**PU / PU**					
	Ch ố n g trư ợt: mài mòn (đế ngoài (	? 150		29		mm
	Chư ố ợt trc gót bàn - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31		0.33		ma sát
	rư Chợt cố ng bàn - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.36		ma sát
	rư Chợt SR n G ế t m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19		0.22		ma sát
	Chư ố ợt SR g G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22		0.23		ma sát
	ri ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		54.6		megaohm
	ri ESD Giá t	0.1 - 100		N/A		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g gót chân củ	? 20		30		J
Đ ứ n g đầ **Thép**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		16.0		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		21.5		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày của chúng tôi có thể có nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái: Đ

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		7.34		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			9.62 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		6%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:

rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.